TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/DS-ST
Ngày: 14 - 4 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tuấn Kiệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thúy;
2. Ông Phạm Ngọc Nhiều.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2026/QĐXXST-DS ngày 12/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 726/2026/QĐXXST-DS ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Hữu D**, sinh năm 1990
Trú tại: khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.
Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.
(Hợp đồng ủy quyền ngày 29/8/2025). Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Đinh Minh L**, sinh năm 1995. Vắng mặt
T1 tại: khu vực Q, phường T, thành phố Cần Thơ.
Chỗ ở: khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1990. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Trú tại: khu vực Q, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày và yêu cầu như sau:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ông Lê Hữu D và ông Đinh Minh L là bạn, từ ngày 02/11/2022 đến ngày 10/8/2024 ông D có cho ông L vay tiền nhiều lần như sau: Lần 1 vào ngày 09/11/2022 ông D chuyển tiền cho ông L 50.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 của chị ruột ông D là bà Lê Thị

Kim T2; Lần 2 vào ngày 03/01/2023 ông D chuyển tiền cho ông L 50.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 của chị ruột ông D là bà Lê Thị Kim T2; Lần 3 vào ngày 07/02/2023 ông D chuyển tiền cho ông L 100.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 của chị ruột ông D là bà Lê Thị Kim T2; Lần 4 vào ngày 10/3/2023 ông D chuyển tiền cho ông L 60.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 của chị ruột ông D là bà Lê Thị Kim T2; Lần 5 vào ngày 16/6/2023 ông D chuyển tiền cho ông L 40.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 Ngân hàng S của chị ruột ông D là bà Lê Thị Kim T2; Lần 6 vào ngày 10/8/2024 ông D chuyển tiền cho ông L 54.517.000 đồng chuyển qua số tài khoản 180323633552 của Lê Hữu D mở tại Ngân hàng A.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 150% x 802 ngày = 199.698.000 đồng. Số tiền nợ gốc 54.517.000 đồng x 1,66%/tháng x 150% x 382 ngày = 17.285.000 đồng. Tổng số nợ gốc và lãi là 571.500.000 đồng (năm trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 16/6/2023 đến 14/4/2026 (là 34 tháng 07 ngày) x 1,66%/tháng = 171.312.000 đồng. Số tiền chuyển khoản ngày 10/8/2024 là 54.517.000 đồng tính lãi từ ngày 10/8/2024 đến ngày 14/4/2026 (là 20 tháng 12 ngày) x 1,66%/tháng = 18.461.636 đồng. Tổng số tiền lãi 189.773.636 đồng. Đến ngày 16/02/2025 bà Trần Thị T3 là mẹ của Đinh Minh L trả cho Lê Hữu D 20.000.000 đồng, ngày 14/3/2026 bà T3 trả thêm 20.000.000 đồng nên nguyên đơn đồng ý cấn trừ vào số tiền lãi như sau 189.773.636 đồng – 40.000.000 đồng = 149.773.636 đồng.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn và lãi là 354.517.000 đồng + 149.773.636 đồng = 504.290.636 đồng (năm trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện tính lãi 150% trên số tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Giữa nguyên đơn và bị đơn là bạn, nên từ năm 2022 đến năm 2024 ông Lê Hữu D có chuyển khoản nhiều lần cho ông Đinh Minh L vay số tiền 300.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 mở tại Ngân hàng S của chị ruột Lê Thị Kim T2 chuyển cho Đinh Minh L qua số tài khoản 74810000286262 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B). Ngoài ra, Lê Hữu D sử dụng số tài khoản 180323633552 chuyển cho Đinh Minh L qua số tài khoản 7480286262 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B) với số tiền 54.517.000 đồng.

Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị

đơn trả số tiền vốn và lãi là 354.517.000 đồng + 149.773.636 đồng = 504.290.636 đồng (năm trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông Lê Hữu D yêu cầu ông Đinh Minh L phải trả số tiền nợ vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; bị đơn cư trú tại khu vực Q, phường T, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc, từ năm 2022 đến năm 2024 ông Lê Hữu D có chuyển khoản nhiều lần cho ông Đinh Minh L vay số tiền 300.000.000 đồng qua số tài khoản 070094028629 mở tại Ngân hàng S của chị ruột Lê Thị Kim T2 chuyển cho Đinh Minh L qua số tài khoản 74810000286262 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B). Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là sao kê tại Ngân hàng S của những lần chuyển tiền cho bị đơn. Tuy hai bên không có làm văn bản, nhưng phía nguyên đơn trình bày kể từ khi vay tiền, bị đơn cũng đã chuyển khoản để đóng lãi cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền 48.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc 54.517.000 đồng, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng từ giao dịch ngày 10/8/2024 của Lê Hữu D sử dụng số tài khoản 180323633552 chuyển cho Đinh Minh L qua số tài khoản 7480286262 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B).

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 354.517.000 đồng.

[4] Đối với số tiền nợ lãi nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng từ ngày 16/6/2023 đến 14/4/2026 (là 34 tháng 07 ngày) x 1,66%/tháng = 171.312.000 đồng. Yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 54.517.000 đồng từ ngày 10/8/2024 đến ngày 14/4/2026 (là 20 tháng 12 ngày) x 1,66%/tháng = 18.461.636 đồng.

Yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T3 là mẹ của Đinh Minh L trả cho Lê Hữu D 02 lần với số tiền 40.000.000 đồng, nguyên đơn cũng đồng ý cấn trừ vào tiền lãi. Do đó, cấn trừ vào tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 149.773.636 đồng.

[5] Về án phí DSST: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu theo quy định.

[6] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; các Điều 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu D.

2. Buộc ông Đinh Minh L phải trả cho ông Lê Hữu D số tiền nợ gốc và lãi là 504.290.636 đồng (năm trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí DSST: Ông Lê Hữu D được nhận lại tiền tạm ứng án phí 8.862.925 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0010394 ngày 21/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cần Thơ.

Ông Đinh Minh L phải chịu án phí 24.171.000 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án; đối với bị đơn vắng mặt dược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn K

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Nơi nhận: **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn Kiệt